TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 15/8/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Kiên

2. Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 980/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Lê H, sinh ngày 16/9/1968
Căn cước công dân số 079068036132, cấp ngày 11/01/2022
Địa chỉ: phường T, quận 12, TPHCM
Tạm trú: phường S, quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim H1, sinh ngày 01/01/1973
Căn cước công dân số 060173005336, cấp ngày 10/02/2022
Địa chỉ: phường T, quận 12, TPHCM
Tạm trú: phường S, quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh)

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Phạm Lê H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Phạm Lê H và bà Lê Thị Kim H1 chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường S, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài. Cả hai chung sống có một con chung tên Phạm Huệ A, sinh ngày 01/4/1997 đã trưởng thành. Từ sau khi con gái trưởng thành, cuộc sống vợ chồng không còn đầm ấm như trước, cả hai thường cãi nhau về bất cứ chuyện lớn nhỏ gì trong gia đình, dần dần không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm dành cho nhau không còn. Xác định tình cảm vợ chồng dành cho bà H1 không còn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Kim H1. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến đối với bị đơn là bà Lê Thị Kim H1 thể hiện:

Bà H1 thừa nhận bà và ông Phạm Lê H chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường S, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài. Cả hai có một con chung tên Phạm Huệ A, sinh ngày 01/4/1997 đã trưởng thành. Cuộc sống hôn nhân thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Bà cảm thấy ông H không còn dành tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc bà và gia đình nên cả hai thường hay cãi nhau. Trong lúc nóng giận bà không kiểm soát được lời nói nên dùng những lời lẽ thiếu tôn trọng, hành xử không đúng mực đối với ông H. Tuy nhiên, bà H1 không mong muốn ly hôn. Bà đã tìm nhiều cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không phối hợp. Trường hợp ông H cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H nộp bản tự khai, đề nghị vắng mặt, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa xét xử các cấp. Do đó, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn cư trú tại phường A, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường S, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2000; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

2.1. Về tình cảm vợ chồng:

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn không mong muốn ly hôn, đã tìm cách hàn gắn nhưng nguyên đơn không phối hợp. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình của nguyên đơn không còn nữa. Đời sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có một con chung tên Phạm Huệ A, sinh ngày 01/4/1997 đã trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Lê H được ly hôn bà Lê Thị Kim H1. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường S, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2000 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Có một con chung tên Phạm Huệ A, sinh ngày 01/4/1997 đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Phạm Lê H chị u, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Phạm Lê H đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0001474 ngày 03/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Lê H đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSNDKV7;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Tứ Nhị